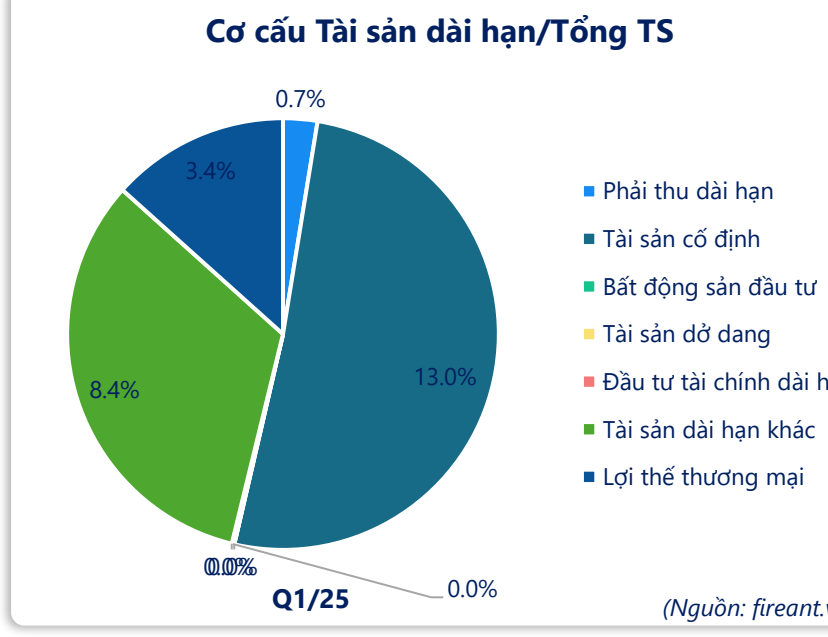
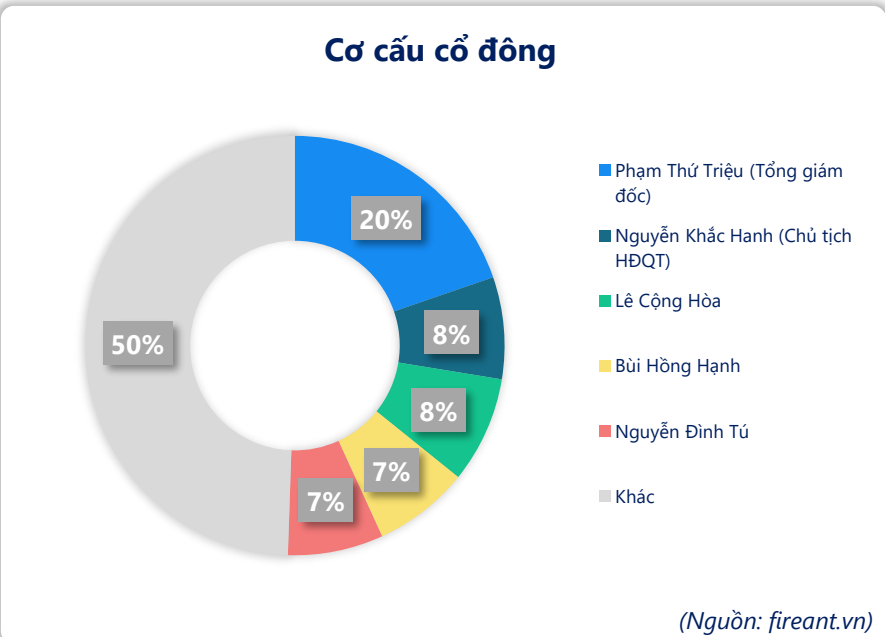
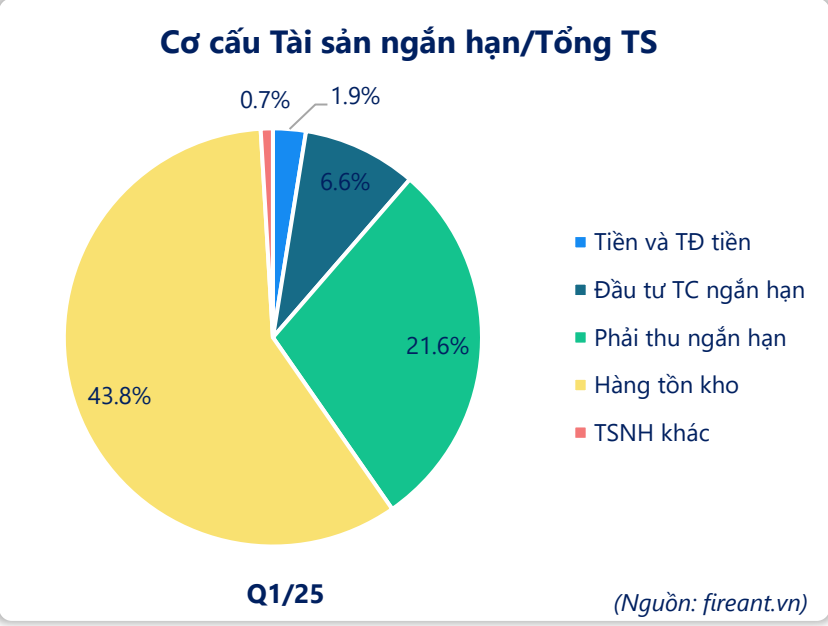
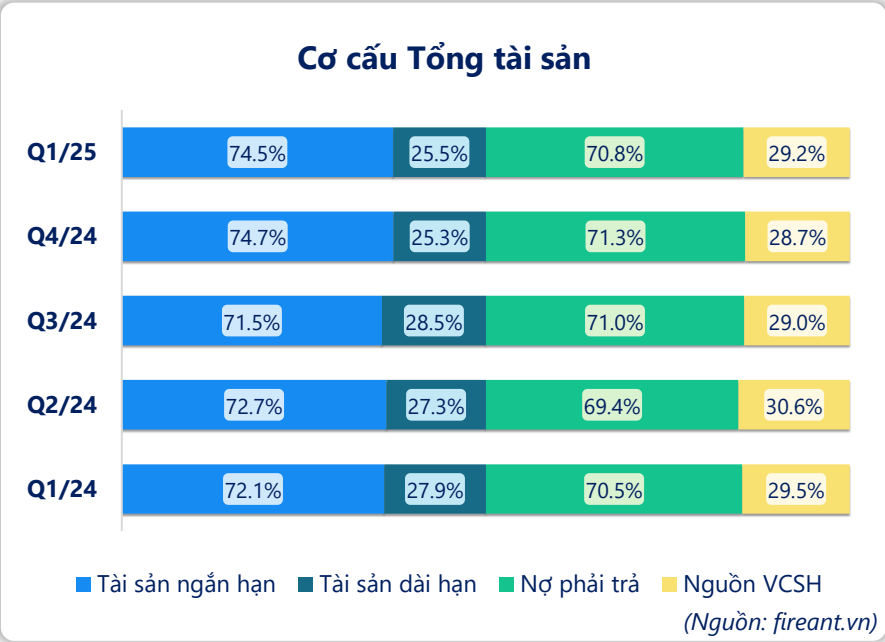
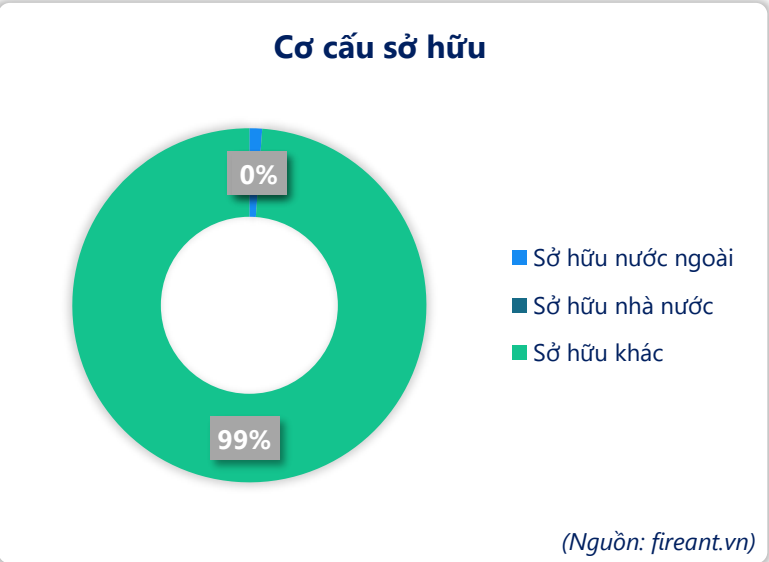
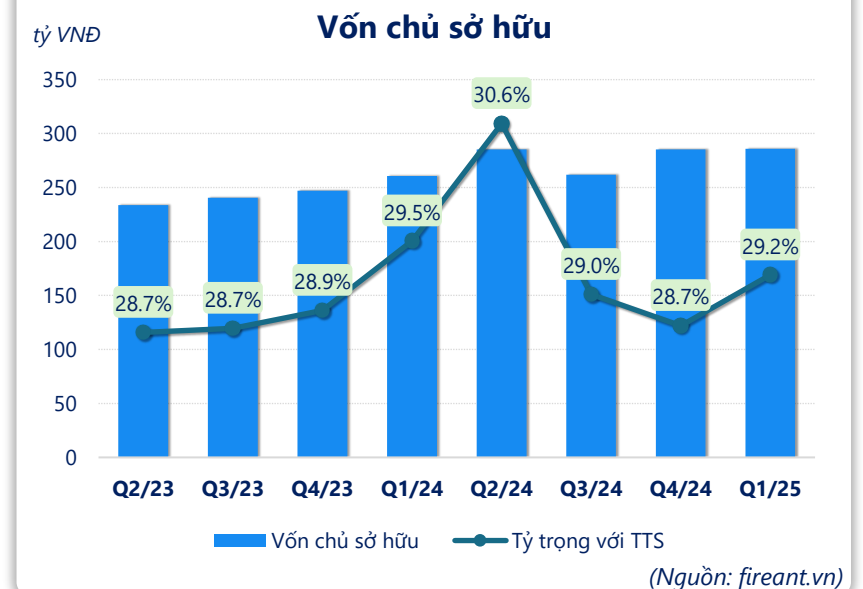
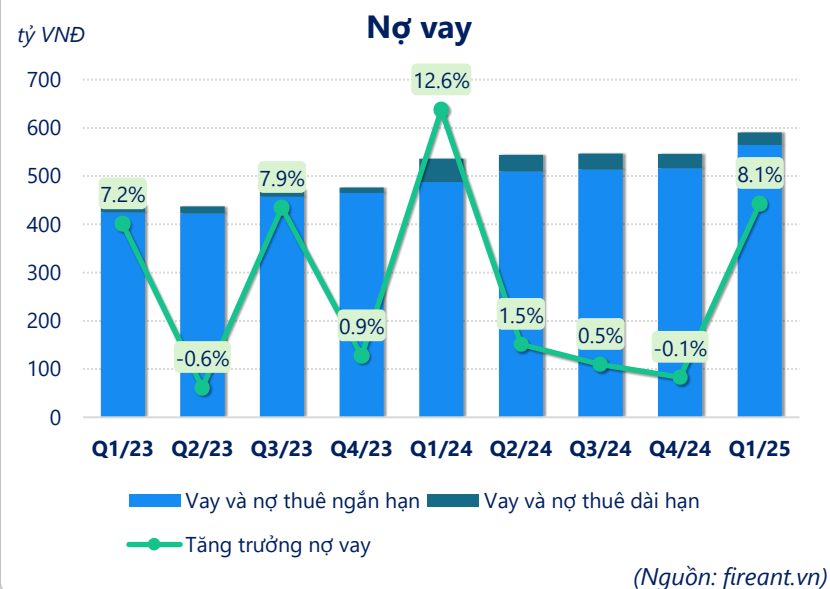
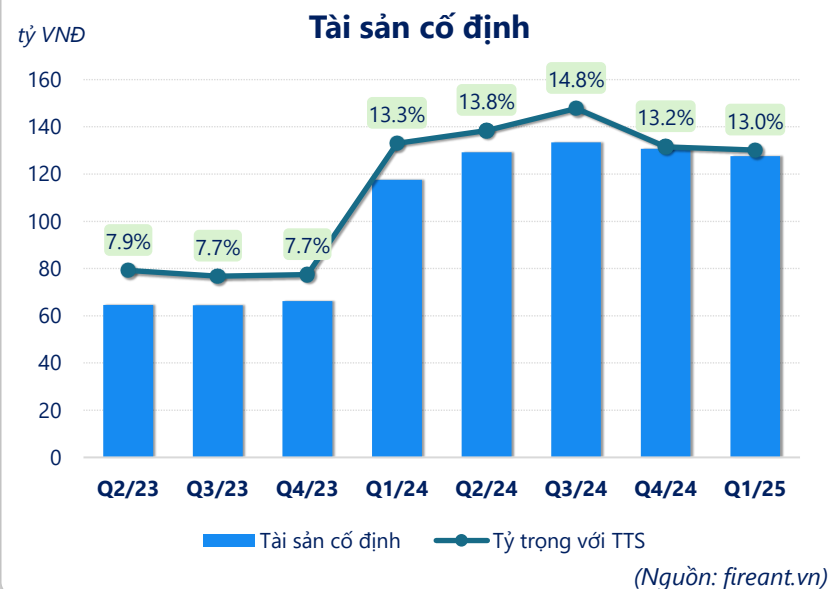
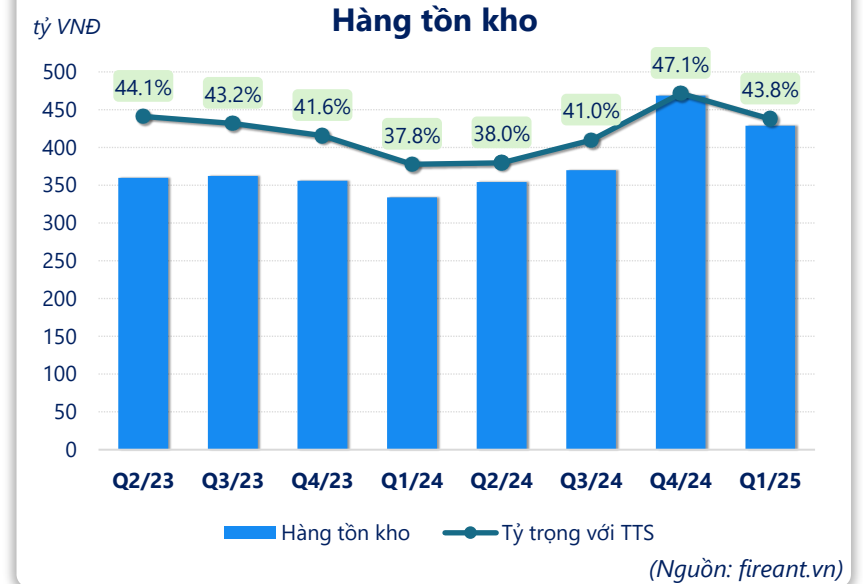
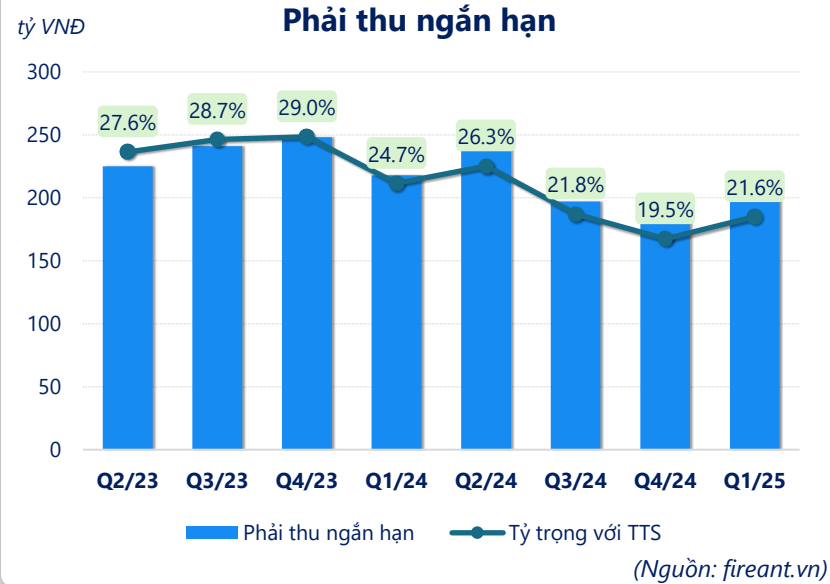
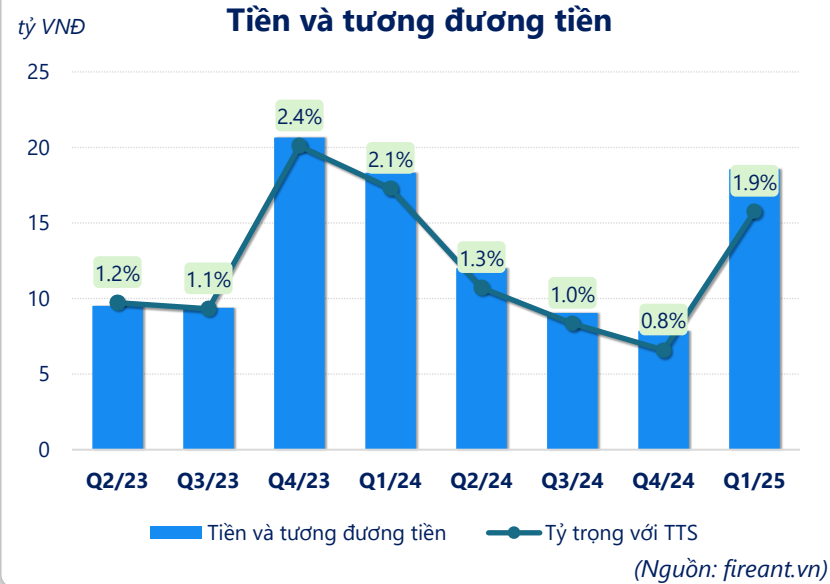
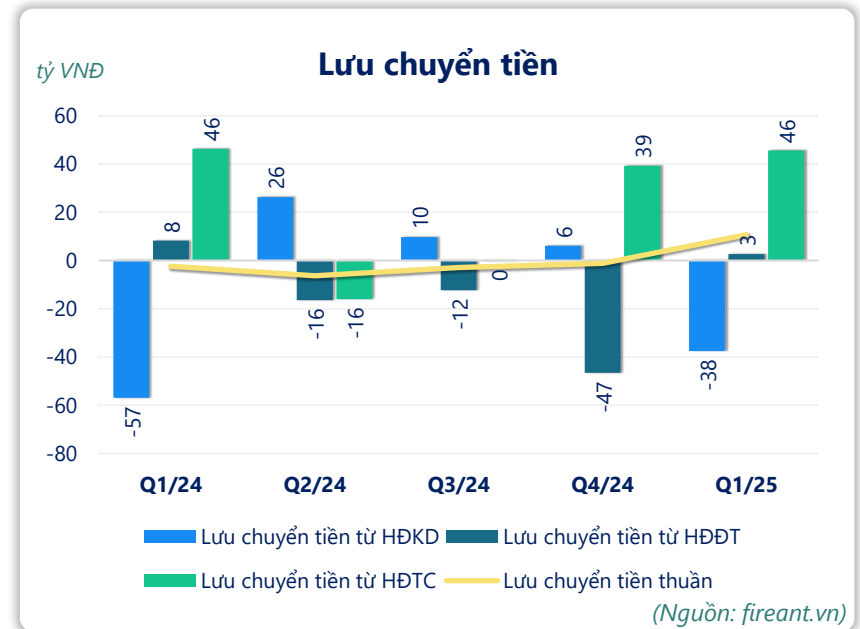
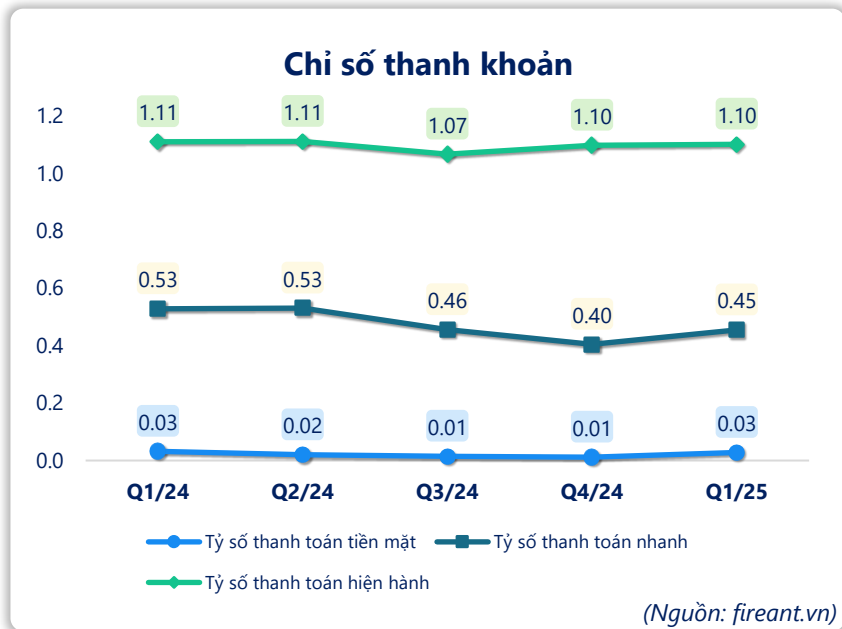
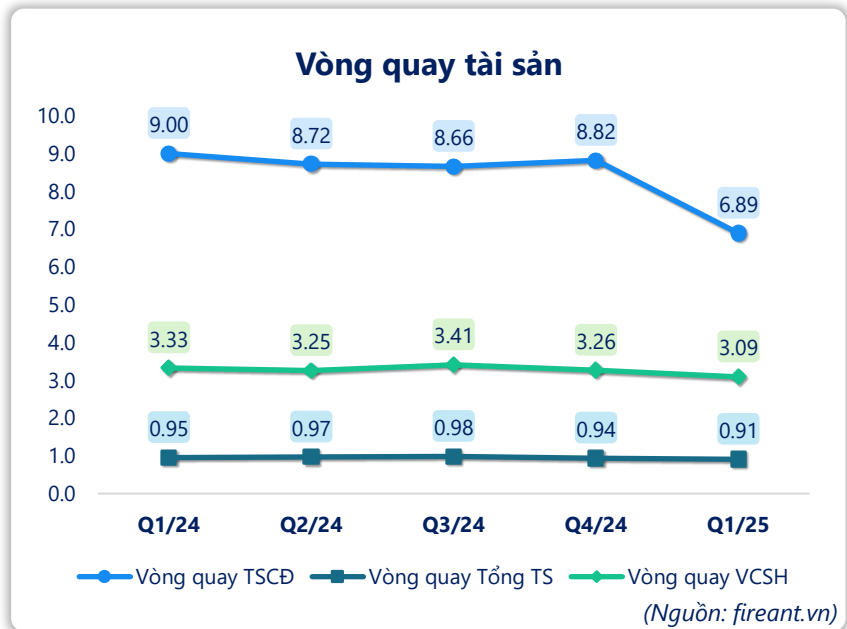
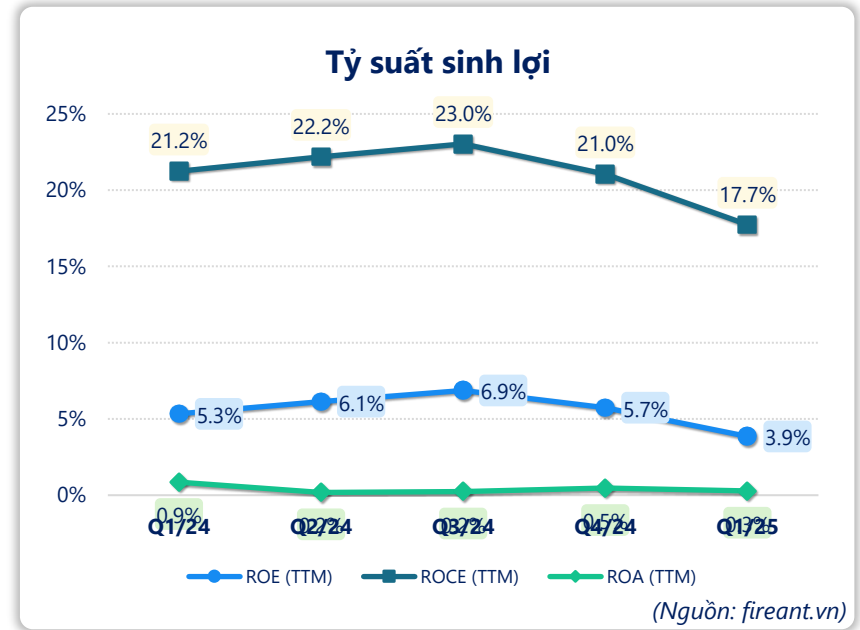
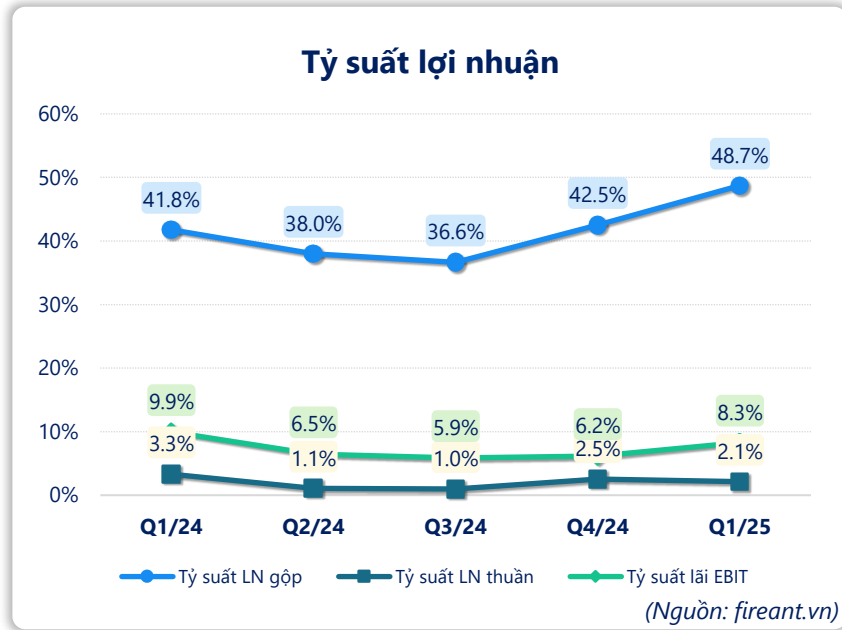
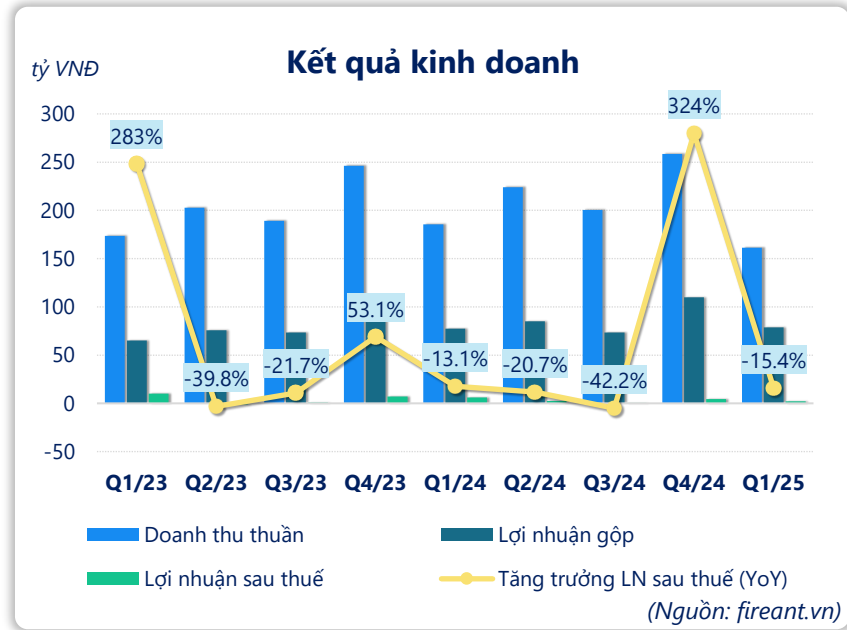


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,789
SL cổ phiếu LH		20,530,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,360
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		245
P/E		23.3
EPS		513

	YTD	1T	3T	6T
DBT	-2.0%	-1.2%	-2.0%	-4.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	980	994	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	730	742	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	18.5	7.86	136%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.4	67.4	-4.4%
Phải thu ngắn hạn	211	193	9.6%
Hàng tồn kho	429	470	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	6.86	3.91	75.5%
Tài sản dài hạn	250	251	-0.6%
Phải thu dài hạn	6.42	6.34	1.2%
Tài sản cố định	128	131	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.48	0.48	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	82.0	79.6	3.1%
Lợi thế thương mại	33.4	34.4	-3.0%
Nợ phải trả	694	710	-2.2%
Nợ ngắn hạn	663	676	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	564	516	9.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	74.9	117	-36.1%
Nợ dài hạn	30.8	34.0	-9.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	26.2	29.2	-10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	286	284	0.7%
Vốn chủ sở hữu	286	284	0.7%
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	185	224	201	258	161
Giá vốn hàng bán	108	139	127	148	82.7
Lợi nhuận gộp	77.4	85.2	73.5	110	78.6
Doanh thu HĐTC	4.69	-0.30	2.57	1.56	1.27
Chi phí TC	10.2	10.6	9.74	10.1	10.6
Chi phí lãi vay	9.92	10.2	9.85	10.2	10.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.8	59.7	50.6	76.5	50.8
Chi phí QLDN	15.9	12.2	13.8	18.2	15.0
LN thuần từ HĐKD	6.13	2.37	1.97	6.58	3.44
Lợi nhuận khác	2.39	1.93	-0.07	-0.77	-0.18
LN trước thuế	8.51	4.30	1.90	5.81	3.26
Lợi nhuận sau thuế	6.11	2.45	0.56	4.58	2.04
LNST của CĐ cty mẹ	7.40	1.59	2.03	4.26	2.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.9	26.2	9.72	6.10	-37.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.24	-16.5	-12.4	-46.6	2.64
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	46.3	-16.1	-0.30	39.3	45.6
Tiền đầu kỳ	20.6	18.3	12.0	9.05	7.86
Lưu chuyển tiền thuần	-2.31	-6.33	-2.95	-1.19	10.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	18.3	12.0	9.05	7.86	18.5

(Nguồn: fireant.vn)